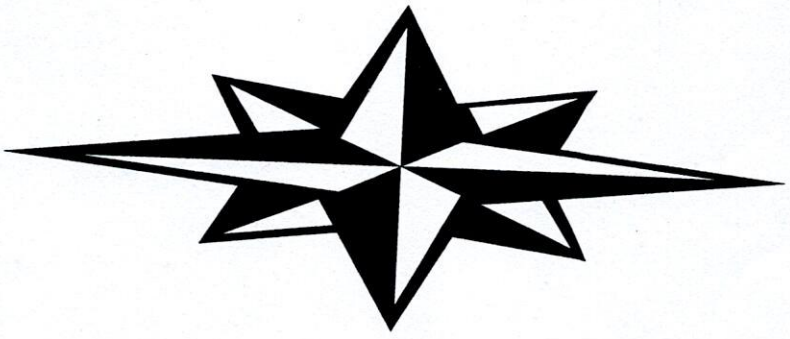
ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG TỊNH BIÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG KHAI DỰ TOÁN THU – CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG TỊNH BIÊN NĂM 2026



NĂM 2026

UỶ BAN NHÂN DÂN **PHƯỜNG TỊNH BIÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 201/QĐ-UBND	*Tịnh Biên, ngày 04 tháng 01 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG TỊNH BIÊN
Về việc công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2026

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG TỊNH BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Căn cứ Thông tư số 56/2025/TT-BTC ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách Nhà nước năm 2026 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2026-2028;

Căn cứ Nghị quyết 30/NQ-HĐND ngày 28/12/2025 của Hội đồng nhân dân phường Tịnh Biên về phê chuẩn dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và dự toán thu, chi ngân sách phường năm 2026.

Căn cứ Nghị quyết 31/NQ-HĐND ngày 28/12/2025 của Hội đồng nhân dân phường Tịnh Biên về phê chuẩn phân bổ ngân sách địa phương năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 2299/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang Về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2026 cho Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu;

Căn cứ Quyết định số 2187/QĐ-UBND ngày 29/12/2025 của Ủy ban nhân dân phường Tịnh Biên về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước Phường Tịnh Biên năm 2026;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2026 (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng HĐND và UBND phường, Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Thủ trưởng các cơn quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Hiếu Chuận

Nơi nhận :
- Sở Tài chính;
- Văn Phòng Đảng ủy, TT HĐND phường;
- Các đơn vị, phòng, ban thuộc UBND phường;
- Lưu VT.

UỶ BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG TỊNH BIÊN

Biểu số 81/CK-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THỊ XÃ NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 4/1/2026 của UBND phường Tịnh Biên)

Đvt: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán
A	**TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH PHƯỜNG**	**202,222**
I	**Thu ngân sách thị xã được hưởng theo phân cấp**	**20,968**
-	Thu ngân sách phường hưởng 100%	9,680
-	Thu ngân sách phường hưởng từ các khoản thu phân chia	11,288
II	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**181,254**
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	145,076
-	Thu bổ sung có mục tiêu	5,569
-	Nguồn CCTL	30,609
III	**Thu kết dư**	
IV	**Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang**	
B	**TỔNG CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG**	**202,222**
I	Tổng chi cân đối ngân sách phường	196,653
1	Chi đầu tư phát triển	1,785
2	Chi thường xuyên	191,012
3	Dự phòng ngân sách	3,856
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	
II	**Chi các chương trình mục tiêu**	**5,569**
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	5,569
III	**Chi chuyển nguồn sang năm sau**	

UỶ BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG TỊNH BIÊN

Biểu số 82/CK-NSNN

CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH PHƯỜNG

(Kèm theo Quyết định số 201/QĐ-UBND ngày 4/1/2026 của UBND phường Tịnh Biên)

Đvt: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán
A	**NGÂN SÁCH PHƯỜNG**	
I	**Nguồn thu ngân sách**	**202,222**
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	20,968
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	181,254
-	Thu bổ sung cân đối	145,076
-	Thu bổ sung có mục tiêu	5,569
-	Nguồn CCTL	30,609
3	Thu kết dư	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
II	**Chi ngân sách**	**202,222**
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách phường	196,653
2	Chi bổ sung cho ngân sách phường	5,569
-	Chi bổ sung cân đối	
-	Chi bổ sung có mục tiêu	5,569
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau	
B	**NGÂN SÁCH XÃ**	
I	**Nguồn thu ngân sách**	**0**
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	0
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp thị xã	0
-	Thu bổ sung cân đối	0
-	Thu bổ sung có mục tiêu	
3	Thu kết dư	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
II	**Chi ngân sách**	**0**

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG TỊNH BIÊN

Biểu số 83/CK-NSNN

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 01 /QĐ-UBND ngày 14 / 1 /2026 của UBND phường Tịnh Biên)

Đvt: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	
		Tổng thu NSNN	Thu NS phường
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC		
I	**Thu nội địa**	**29,350**	**29,350**
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý (chi tiết theo sắc thuế)		
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý (chi tiết theo sắc thuế)	760	760
3	Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (chi tiết theo sắc thuế)		
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (chi tiết theo sắc thuế)	9,520	9,520
5	Thuế thu nhập cá nhân	5,450	5,450
6	Thuế bảo vệ môi trường	0	0
7	Lệ phí trước bạ	6,550	6,550
8	Thu phí, lệ phí	1,000	1,000
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	20	20
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước		
12	Thu tiền sử dụng đất	3,000	3,000
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (chi tiết theo sắc thuế)		
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
16	Thu khác ngân sách	3,050	3,050
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác		0
18	Các khoản thu tại xã		
II	**Thu viện trợ**		

UỶ BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG TỊNH BIÊN

Biểu số 84/CK-NSNN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ, CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG
(Kèm theo Quyết định số 201 /QĐ-UBND ngày 14 /12 /2026 của UBND phường Tịnh Biên)

Đvt: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ngân sách phường	Chia ra	
			Ngân sách cấp thị xã	Ngân sách phường
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG	**202,222**	**0**	**202,222**
A	**CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH PHƯỜNG**	**196,653**	**0**	**196,653**
I	**Chi đầu tư phát triển**	**1,785**	**0**	**1,785**
1	Chi đầu tư cho các dự án	1,785	0	1,785
	Trong đó chia theo lĩnh vực:	0	*0*	
-	Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề	0		
-	Chi Văn hóa thông tin, thể dục thể thao	0		
-	Chi Hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	0		
-	Chi An ninh, Quốc phòng	0		
-	Chi Giao thông	1,785		1,785
-	Chi Lĩnh vực khác	0		
	Trong đó chia theo nguồn vốn:	0		
-	Chi đầu tư từ nguồn vốn tập trung trong nước	0		
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	0		
2	Chi đầu tư phát triển khác	0		
II	**Chi thường xuyên**	**191,012**		**191,012**
	Trong đó:	0		
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	105,372		105,372
2	Chi khoa học và công nghệ			
III	**Dự phòng ngân sách**	**3,856**		**3,856**
IV	**Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương**	**0**		
B	**CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU**	**5,569**		**5,569**
I	**Chi các chương trình mục tiêu quốc gia (chi tiết theo từng chương trình mục tiêu quốc gia)**	**0**		
II	**Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ (chi tiết theo từng chương trình mục tiêu, nhiệm vụ)**	**5,569**		**5,569**
C	**CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU**	**0**		

UỶ BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG TỊNH BIÊN

Biểu số 85/CK-NSNN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số 201/QĐ-UBND ngày 4/1/2026 của UBND phường Tịnh Biên)

Đvt: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG	**202,222**
A	**CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH PHƯỜNG**	**0**
B	**CHI NGÂN SÁCH CẤP PHƯỜNG THEO LĨNH VỰC**	**202,222**
	Trong đó:	
I	**Chi đầu tư phát triển**	**1,785**
1	Chi đầu tư cho các dự án	***1,785***
	Trong đó:	
1.1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	
1.2	Chi khoa học và công nghệ	
1.3	Chi y tế, dân số và gia đình	
1.4	Chi văn hóa thông tin	
1.5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	
1.6	Chi thể dục thể thao	
1.7	Chi bảo vệ môi trường	
1.8	Chi các hoạt động kinh tế	
1.9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	
1.10	Chi bảo đảm xã hội	
1.11	Chi An ninh, Quốc phòng	
1.12	Chi giao thông	1,785
1.13	Chi lĩnh vực khác	
2	***Chi đầu tư phát triển khác***	***3,000***
II	**Chi thường xuyên**	**191,012**
	Trong đó:	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	105,372
2	Chi khoa học và công nghệ	
3	Chi y tế, dân số và gia đình	0
4	Chi Văn hóa - Thể thao	600
5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	350
7	Chi bảo vệ môi trường	5,000
8	Chi các hoạt động kinh tế	17,936
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	36,320
10	Chi bảo đảm xã hội	10,407
11	Chi Quốc phòng, An ninh	9,003
12	Chi khác	6,024
III	**Dự phòng ngân sách**	**3,856**
IV	**Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu của tỉnh**	**5,569**
V	**Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương**	
C	**CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU**	

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG TINH BIÊN

Biểu số 86/CK-NSNN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP PHƯỜNG CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số 201/QĐ-UBND ngày 4 / 1 /2026 của UBND phường Tịnh Biên)

Đvt: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA	CHI THƯỜNG XUYÊN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			
							TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYÊN	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG SỐ	**202,222**	**1,785**	**202,456**	**0**					
I	**CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN**	**1,785**	**1,785**							
II	**CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC**	**191,012**	**0**	**193,031**	**0**					
II.1	**CÁC CƠ QUAN, BAN NGÀNH, ĐƠN VỊ**	**129,040**		**131,059**						
1	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường	9,278		9,278						
2	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường	3,691		3,691						
3	Phòng Văn hoá - Xã hội phường	12,114		12,114						
4	Trung tâm phục vụ hành chính công phường	2,146		2,146						
5	Trung tâm Dịch vụ tổng hợp phường	9,112		9,112						
6	Trung tâm Chính trị phường	952		952						
7	Sự nghiệp giáo dục (Các điểm trường)	83,681		83,681						
	Trường Mầm non Hướng Dương	4,902		4,902						
	Trường Mầm non Tuổi Ngọc	3,164		3,164						
	Trường Mẫu giáo Họa Mi			2,806						
	Trường Mẫu giáo An Phú			2,420						
	Trường Mẫu giáo An Nông			2,683						
	Trường Tiểu học A Tịnh Biên			10,062						

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA	CHI THƯỜNG XUYÊN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			
							TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYÊN	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU
	Trường Tiểu học B Tịnh Biên			5,188						
	Trường Tiểu học C Tịnh Biên			5,419						
	Trường Tiểu học A An Phú			4,983						
	Trường Tiểu học B An Phú			7,972						
	Trường Tiểu học và THCS Trần Quang Khải			9,585						
	Trường THCS Lương Thế Vinh			16,929						
	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi			7,568						
21	Các khoản hoạt động thường xuyên khác			10,085						
II.2	**CƠ QUAN ĐẢNG**	**7,991**		**7,991**						
II.3	**CƠ QUAN ĐOÀN THỂ, HỘI**	**4,341**	**-**	**4,341**						
	Ủy ban MTTQ Việt Nam phường	4,341		4,341						
II.4	**QUỐC PHÒNG - AN NINH**	**9,003**	**-**	**9,003**						
33	Tổ An ninh trật tự cơ sở	2,215		2,215						
34	BCH Quân sự phường	6,788		6,788						
II.5	**Chương trình, KH, ĐA, DA, khác**	**40,637**		**40,637**	**0**					
35	Sự nghiệp thủy lợi	-		-						
36	Bảo vệ phát triển đất trồng lúa theo NĐ 112	3,600		3,600						
37	Sự nghiệp kiến thiết thị chính (Hệ thống đèn chiếu sáng: 4 tỷ)	4,880		4,880						
38	Sự nghiệp kinh tế khác	5,814		5,814						
39	Chi sự nghiệp môi trường (Hợp đồng xử lý rác)	-		-						
40	Sự nghiệp Văn hoá - Thông tin	100		100						
41	Chi SN Phát thanh-Truyền hình- Thông tấn	280		280						
42	Sự nghiệp thể thao	100		100						
43	Chi SN đào tạo - dạy nghề	20,639		20,639						

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA	CHI THƯỜNG XUYÊN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			
							TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYÊN	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU
44	Chi khác	5,224		5,224						
III	**NGUỒN TỈNH BỔ SUNG MỤC TIÊU**	**5,569**		**5,569**						
1	Vốn ngoài nước									
2	Vốn trong nước	**5,569**		**5,569**						
	Kinh phi thực hiện các chính sách ASXH (Phòng Văn hóa - xã hội phường)	3,775		3,775						
	Kinh phí hỗ trợ địa phương theo diện tích sản xuất lúa theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP	1,794		1,794						
IV	**CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH**	**3,856**		**3,856**	**0**					
V	**CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TL**									
VI	**CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU**									

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG TỊNH BIÊN

Biểu số 87/CK-NSNN

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH CẤP PHƯỜNG CHO TỪNG CƠ QUAN TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025 (Nguồn vốn ngân sách phường quản lý)
(Kèm theo Quyết định số 251/QĐ-UBND ngày 4 / 1 /2026 của UBND phường Tịnh Biên)

Đvt: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ													
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ		CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	QuỐC PHÒNG, AN NINH	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KHÁC	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI
											CHI GIAO THÔNG	CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG SỐ	**1,785**	-	-	-	-	-	-	-	**1,785**	**1,785**	-	-	-	-	-
1	Trung tâm Dịch vụ tổng hợp phường	1,785								1,785	1,785					

UỶ BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG TỊNH BIÊN

Biểu số 88/CK-NSNN

Biểu số 10

DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2026 THEO LĨNH VỰC VÀ CƠ QUAN, ĐƠN VỊ QUẢN LÝ

(Kèm theo Quyết định số 28 /QĐ-UBND ngày 4 / 1/2026 của UBND phường Tịnh Biên)

Đơn vị: triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	Chi Đầu tư phát triển khác	Chi giáo dục - ĐT và dạy nghề	Chi khoa học và CN	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn XH	Chi y tế, DS và gia đình	Chi văn hóa thông tin - Thể thao	Chi PT, TH, thông tấn	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Chi QLNN, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi khác ngân sách	Dự phòng Ngân sách
A	B	1		2	3	4	5	6	7	8	10	11	12	13	14	15
	TỔNG CỘNG (A+B)	**202,222**	**1,785**	**105,372**	**0**	**6,788**	**2,215**	**0**	**600**	**350**	**5,000**	**19,730**	**36,320**	**10,407**	**6,024**	**3,856**
	A- NGUỒN CÂN ĐỐI NSĐP	**196,653**	**1,785**	**105,372**	**0**	**6,788**	**2,215**	**0**	**600**	**350**	**5,000**	**17,936**	**36,320**	**10,407**	**6,024**	**3,856**
I	**CÁC CƠ QUAN, BAN NGÀNH, ĐƠN VỊ**	**137,599**	**0**	**84,733**	**0**	**6,678**	**1,831**	**0**	**400**	**70**	**5,000**	**3,692**	**24,288**	**10,407**	**500**	**0**
1	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường	15,768				6,678	1,831						6,759		500	
2	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường	3,691											3,691			
3	Phòng Văn hoá - Xã hội phường	12,114		100									1,607	10,407		
4	Trung tâm phục vụ hành chính công phường	2,146											2,146			
5	Trung tâm Dịch vụ tổng hợp phường	9,162							400	70	5,000	3,692				
6	Trung tâm Chính trị phường	952		952												
7	Sự nghiệp giáo dục (Các điểm trường)	83,681	0	83,681	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Trường Mầm non Hướng Dương	*4,902*		*4,902*												
	Trường Mầm non Tuổi Ngọc	*3,164*		*3,164*												
	Trường Mẫu giáo Họa Mi	*2,806*		*2,806*												
	Trường Mẫu giáo An Phú	*2,420*		*2,420*												
	Trường Mẫu giáo An Nông	*2,683*		*2,683*												
	Trường Tiểu học A Tịnh Biên	*10,062*		*10,062*												
	Trường Tiểu học B Tịnh Biên	*5,188*		*5,188*												
	Trường Tiểu học C Tịnh Biên	*5,419*		*5,419*												
	Trường Tiểu học A An Phú	*4,983*		*4,983*												
	Trường Tiểu học B An Phú	*7,972*		*7,972*												
	Trường Tiểu học và THCS Trần Quang Khải	*9,585*		*9,585*												
	Trường THCS Lương Thế Vinh	*16,929*		*16,929*												
	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	*7,568*		*7,568*												
8	Các khoản hoạt động thường xuyên khác	10,085											10,085			
II	**CƠ QUAN ĐẢNG**	**7,991**											**7,691**		**300**	
III	**CƠ QUAN ĐOÀN THỂ, HỘI**	**4,341**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**4,341**	**0**	**0**	**0**
1	1. Ủy ban MTTQ Việt Nam phường	4,341											4,341			
IV	**CÔNG AN, QUÂN SỰ**	**494**		**0**	**0**	**110**	**384**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	Tổ An ninh trật tự cơ sở	384					384									0
2	BCH Quân sự phường	110				110										
V	**Chương trình, KH, ĐA, DA khác**	**42,372**	**1,785**	**20,639**	**0**	**0**	**0**	**0**	**200**	**280**	**0**	**14,244**	**0**	**0**	**5,224**	**0**
1	Đầu tư phát triển	1,785	1,785									0				
2	Sự nghiệp thủy lợi	0										0				
3	Bảo vệ phát triển đất trồng lúa theo NĐ 112	3,600										3,600				
4	Sự nghiệp kiến thiết thị chính (Hệ thống đèn chiếu sáng: 4 tỷ)	4,880										4,880				
5	Sự nghiệp kinh tế khác	5,764										5,764				
7	Sự nghiệp Văn hoá - Thông tin	100							100							
8	Chi SN Phát thanh-Truyền hình- Thông tấn	280								280						
9	Chi SN Thể thao	100							100							
11	Chi SN đào tạo - dạy nghề	20,639		20,639												
12	Chi khác	5,224													5,224	
VI	**CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH**	**3,856**														3,856
	B- NGUỒN TW BỔ SUNG MỤC TIÊU	**5,569**		**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**1,794**	**0**	**0**	**0**	**0**
	Kinh phi thực hiện các chính sách ASXH (Phòng Văn hóa - xã hội phường)	3,775												3,775		
	Kinh phí hỗ trợ địa phương theo diện tích sản xuất lúa theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP	1,794										1,794				

* Ghi chú: Mẫu theo quy định tại Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ ban hành quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hàng năm

UỶ BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG TỊNH BIÊN

Biểu số 91/CK-NSNN

DỰ TOÁN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NGÂN SÁCH PHƯỜNG 2026

(Kèm theo Quyết định số 20 //QĐ-UBND ngày 4 / 1 /2026 của UBND phường Tịnh Biên)

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Trong đó		Chương trình mục tiêu quốc gia						
			Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp	Tổng số	Đầu tư phát triển			Kinh phí sự nghiệp		
						Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước
A	B	1 = 2+3+4									2
	TỔNG SỐ	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
I	**Ngân sách thị xã**	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
II	**Ngân sách xã, phường**	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0